

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến
toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;

Căn cứ các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 về tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp; số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 về tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 920/SKHĐT-VP ngày 06/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện

a) Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có giải pháp cụ thể, đẩy mạnh công tác phổ biến, thông tin, tuyên truyền để khuyến khích, thúc đẩy và vận động người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

b) Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn và thông báo tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho cá nhân, tổ chức **không muộn hơn tám giờ làm việc** kể từ khi hệ thống tiếp nhận; **chủ động hẹn, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn** tối đa so với quy định để giảm thời gian chờ đợi kết quả cho người dân, doanh nghiệp.

c) Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công của Bộ, ngành và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trong việc tiếp nhận hồ sơ, xử lý và trả kết quả giải quyết dịch vụ công trực tuyến đúng tiến độ, chất lượng; thực hiện giảm phí, lệ phí đối với hồ sơ nộp trực tuyến theo quy định; đồng thời, rà soát, đề xuất bổ sung danh mục thủ tục hành chính được giảm phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực hiện thanh toán trực tuyến các nghĩa vụ tài chính liên quan theo quy định.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục thực hiện việc rà soát, lựa chọn và kiểm thử các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý còn lại của cơ quan để bổ sung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thực hiện cấu trúc lại quy trình TTHC để thay đổi quy trình nội bộ, quy trình điện tử theo hướng đơn giản, cắt giảm các bước thực hiện, các thông tin cần khai báo, cung cấp khi người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thực hiện đồng bộ, cập nhật công khai, cấu hình quy trình điện tử, biểu mẫu điện tử, chữ ký điện tử và các giải pháp kỹ thuật liên quan để triển khai hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần được công bố tại Quyết định này lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về sử dụng dịch vụ công trực tuyến; truyền thông các mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai thực hiện.

3. Văn phòng UBND tỉnh

a) Phối hợp cơ quan liên quan đơn đốc, hướng dẫn việc tiếp nhận hồ sơ, xử lý và trả kết quả giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện kiểm thử các thủ tục hành chính để bổ sung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần khi có sự thay đổi theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế danh mục dịch vụ công trực tuyến của Sở Kế hoạch và Đầu tư đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 14/6/2023.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

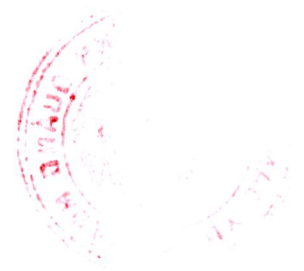
- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: PCVP, KTTH, KTN, KGVX;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, TTHC(x).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Tuấn

Trần Hoàng Tuấn



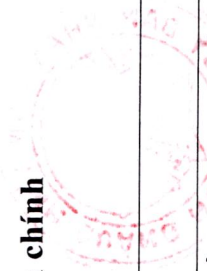
DANH MỤC

DỊCH VỤ CÔNG TRỰC THUẬN TOÀN TRÌNH, MỘT PHẦN THUỘC THẨM QUYỀN
QUẢN LÝ, GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 102/QĐ/UBND ngày 13/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
TỔNG (A) + (B)			88	03	58
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			67	03	42
I. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp					
1	2.001610.000.00.00.H48	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	X		X
2	2.001583.000.00.00.H48	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	X		X
3	2.001199.000.00.00.H48	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	X		X
4	2.002043.000.00.00.H48	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	X		X
5	2.002042.000.00.00.H48	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	X		X
6	2.002041.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	X		X
7	1.005169.000.00.00.H48	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	X		X
8	2.002011.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	X		X
9	2.002010.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách	X		X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
		<p style="text-align: center;">Tên thủ tục hành chính</p> 			
		<p> nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) </p>			
10	2.002009.000.00.00.H48		X		X
11	2.002008.000.00.00.H48		X		X
12	1.005114.000.00.00.H48		X		X
13	2.002000.000.00.00.H48		X		X
14	2.001996.000.00.00.H48		X		X
15	2.001993.000.00.00.H48		X		X
16	2.002044.000.00.00.H48		X		X
17	2.001992.000.00.00.H48		X		X
18	2.001954.000.00.00.H48		X		X
19	2.002069.000.00.00.H48		X		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
20	2.002070.000.00.00.H48	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	X		
21	2.002031.000.00.00.H48	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	X		
22	2.002075.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	X		
23	2.002072.000.00.00.H48	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	X		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, có giá thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
24	2.002045.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	X		
25	1.005176.000.00.00.H48	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	X		
26	1.010026.000.00.00.H48	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	X		X
27	2.002085.000.00.00.H48	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	X		X
28	2.002083.000.00.00.H48	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	X		X
29	2.002059.000.00.00.H48	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	X		X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
30	2.002060.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhân sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	X		X
31	2.002057.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	X		X
32	2.002034.000.00.00.H48	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	X		X
33	2.002032.000.00.00.H48	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	X		X
34	2.002033.000.00.00.H48	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	X		X
35	1.010027.000.00.00.H48	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	X		X
36	2.002018.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	X		
37	2.002017.000.00.00.H48	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	X		X
38	2.002015.000.00.00.H48	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	X		X
39	2.002029.000.00.00.H48	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời	X		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
		hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)			
40	2.002023.000.00.00.H48	Giải thể doanh nghiệp	X		
41	2.002022.000.00.00.H48	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	X		
42	2.002020.000.00.00.H48	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	X		
43	2.002016.000.00.00.H48	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	X		X
44	1.010029.000.00.00.H48	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	X		X
45	1.010030.000.00.00.H48	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	X		X
46	1.010031.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	X		
47	1.010010.000.00.00.H48	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	X		
48	1.010023.000.00.00.H48	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	X		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
II. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã					
49	1.005125.000.00.00.H48	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	X		X
50	2.002013.000.00.00.H48	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	X		
51	1.005003.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	X		X
52	1.005047.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	X		
53	1.005122.000.00.00.H48	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	X		X
54	2.001979.000.00.00.H48	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	X		X
55	2.001957.000.00.00.H48	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	X		X
56	1.005056.000.00.00.H48	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	X		X
57	1.005072.000.00.00.H48	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	X		
58	2.001962.000.00.00.H48	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	X		
59	1.005064.000.00.00.H48	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	X		X
60	1.005124.000.00.00.H48	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	X		X
61	1.005046.000.00.00.H48	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn	X		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
		phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã			
62	1.005283.000.00.00.H48	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	X		
63	2.002125.000.00.00.H48	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	X		X
	III. Lĩnh vực Đầu tư				
64	1.009661.000.00.00.H48	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		X	
65	1.009662.000.00.00.H48	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		X	
	IV. Lĩnh vực Hoạt động doanh nghiệp xã hội				
66	2.000368.000.00.00.H48	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	X		
67	2.000416.000.00.00.H48	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	X		
68	2.000375.000.00.00.H48	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	X		
	V. Lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa				
69	2.002418.000.00.00.H48	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị		X	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
70	2.001999.000.00.00.H48	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	X		
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			21	0	16
I. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh					
71	1.001612.000.00.00.H48	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	X		X
72	2.000720.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	X		X
73	1.001570.000.00.00.H48	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	X		
74	1.001266.000.00.00.H48	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	X		
75	2.000575.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	X		X
II. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã					
76	1.005280.000.00.00.H48	Đăng ký thành lập hợp tác xã	X		X
77	2.002123.000.00.00.H48	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	X		X
78	1.005277.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	X		X
79	1.005378.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	X		X
80	2.002122.000.00.00.H48	Đăng ký khi hợp tác xã chia	X		X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
81	2.002120.000.00.00.H48	Đăng ký khi hợp tác xã tách	X		X
82	1.005121.000.00.00.H48	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	X		X
83	1.004972.000.00.00.H48	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	X		X
84	2.001973.000.00.00.H48	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	X		X
85	1.004982.000.00.00.H48	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	X		
86	1.004979.000.00.00.H48	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	X		X
87	2.001958.000.00.00.H48	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	X		X
88	1.005377.000.00.00.H48	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	X		
89	1.005010.000.00.00.H48	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	X		
90	1.004901.000.00.00.H48	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	X		X
91	1.004895.000.00.00.H48	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	X		X